TRƯỜNG THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG

MÔN: NGỮ VĂN- KHỐI 6

**Tuần 35: từ ngày 17/05/2021 đến 21/05/2021**

**Nộp bài trước: 17g ngày 21/5/2021**

**TIẾT 1. ÔN TẬP, HỆ THỐNG KIẾN THỨC HK2**

**(TỔNG KẾT PHẦN VĂN)**

**I. KIẾN THỨC CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

* Nắm được hệ thống văn bản với những nội dung cơ bản và đặc trưng thể loại của các văn bản trong chương trình.
* Hiểu và cảm thụ được vẻ đẹp của một số hình tượng nhân vật văn học tiêu biểu, tư tưởng yêu nước và truyền thống nhân ái trong các văn bản dã học.

**2. Kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng củng cố và hệ thống kiến thức đã học, vận dụng làm các bài tập.

**3. Thái độ:**  HS biết vận dụng kiến thức đã học vào bài văn tả cảnh.

**II. NỘI DUNG**

**1. Truyện và kí :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tác phẩm (hoặc đoạn trích)** | **Tác giả** | **Thể loại** | **Tóm tắt nội dung ( đại ý)** |
| 1 | Bài học đường đời đầu tiên  ( trích Dế Mèn phiêu lưu kí) | Tô Hoài | Truyện đồng thoại | Dế Mèn tự tả chân dung, trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt và ân hận. |
| 2 | Sông nước Cà Mau ( trích Đất rừng phương Nam) | Đoàn Giỏi | Truyện dài | Bức tranh thiên nhiên rộng lớn, hoang dã và cuộc sống ở vùng sông nước Cà Mau độc đáo. |
| 3 | Bức tranh của em gái tôi | Tạ Duy Anh | Truyện ngắn | Tình cảm hồn nhiên,trong sáng và lòng nhân hậu của em gái Kiều Phương đã giúp người anh nhận ra phần hạn chế của chính mình. |
| 4 | Vượt thác ( trích Quê nội) | Võ Quảng | Truyện dài | Cảnh vượt thác của con thuyền do dượng Hương Thư chỉ huy trên sông Thu Bồn. |
| 5 | Buổi học cuối cùng | An -phông-xơ Đô-đê. | Truyện ngắn | Buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp ở vùng An –dát bị quân Phổ chiếm đóng và hình ảnh của thầy Ha-men qua cái nhìn và tâm trạng của chú bé Phrăng. |
| 6 | Cô Tô | Nguyễn Tuân | Kí | Cảnh thiên nhiên tươi đẹp, trong sáng và sinh hoạt đông vui của con người trên vùng đảo Cô Tô. |
| 7 | Cây tre Việt Nam | Thép Mới | Kí | Cây tre- người bạn thân thiết của dân tộc Việt Nam, là một biểu tượng của đất nước, dân tộc Việt Nam. |
| 8 | Lòng yêu nước | I-li-a Ê-ren-bua | Kí | Lòng yêu nước tha thiết của tác giả và người dân Xô viết trong hoàn cảnh thử thách gay gắt của cuộc chiến tranh vệ quốc. |
| 9 | Lao xao ( trích Tuổi thơ im lặng) | Duy Khán | Kí | Bức tranh sinh động, nhiều màu sắc về thế giới các loài chim ở đồng quê. |

**2. Những yếu tố có chung ở truyện và kí :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tác phẩm (hoặc đoạn trích)** | **Cốt truyện** | **Nhân vật** | **Nhân vật kể chuyện** |
| 1 | Bài học đường đời đầu tiên  ( trích Dế Mèn phiêu lưu kí) | Kể theo trình tự thời gian | Có nhân vật chính và nhân vật phụ ( Dế Mèn, Dế Choắt, chị Cốc...) | Mèn- ngôi kể thứ nhất. |
| 2 | Sông nước Cà Mau ( trích Đất rừng phương Nam) | Cảnh miêu tả theo sự di chuyển của không gian | Ông Hai, thằng Cò, thằng An... | Nhân vật thằng An- ngôi kể thứ nhất. |
| 3 | Bức tranh của em gái tôi | Theo trình tự thời gian | Anh trai, em gái Kiều Phương, chú Tiến Lê, bố mẹ Kiều Phương... | Người anh trai- ngôi kể thứ nhất. |
| 4 | Vượt thác ( trích Quê nội) | Cảnh miêu tả theo sự di chuyển của không gian | Dượng Hương Thư và các bạn chèo thuyền | Hai chú bé Cục và Cù Lao- ngôi kể thứ nhất, xưng chúng tôi |
| 5 | Buổi học cuối cùng | Theo trình tự thời gian | Chú bé Phrăng , thầy Ha-men, cụ Hô-de... | Chú bé Phrăng- ngôi kể thứ nhất. |
| 6 | Cô Tô | Không | Anh hùng Châu Hòa Mãn và vợ con, những người dân trên đảo, tác giả... | Tác giả-ngôi kể thứ nhất. |
| 7 | Cây tre Việt Nam | Không | Cây tre và họ hàng của tre, nông dân, bộ đội.... | Giấu mình- ngôi kể thứ ba. |
| 8 | Lòng yêu nước | Không | Nhân dân các dân tộc thuộc Liên Xô | Giấu mình- ngôi kể thứ ba. |
| 9 | Lao xao ( trích Tuổi thơ im lặng) | Không | Các loài hoa, ong, bướm, chim.... | Tác giả-ngôi kể thứ nhất. |

1. **Thơ :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên bài thơ- năm sáng tác** | **Tác giả** | **Phương thức biểu đạt** | **Nội dung ( đại ý)** |
| 1 | Đêm nay Bác không ngủ ( 1951) | Minh Huệ- Nguyễn Đức Thái( 1927-2003) | Tự sự, miêu tả | Bài thơ thể hiện tấm lòng yêu thương sâu sắc rộng lớn của Bác Hồ với bộ đội , nhân dân và tình cảm kính yêu cảm phục của người chiến sĩ đối với Bác. |
| 2 | Lượm ( 1949) | Tố Hữu ( 1920-2002) | Miêu tả, tự sự | Bài thơ khắc họa hình ảnh Lượm hồn nhiên, vui tươi, hăng hái, dũng cảm. Lượm đã hi sinh nhưng hình ảnh của em vẫn còn sống mãi với chúng ta. |
| 3 | Mưa ( đọc thêm- 1967) | Trần Đăng Khoa ( 1958) | Miêu tả | Bài thơ miêu tả sinh động cảnh vật thiên nhiên trước và trong cơn mưa rào ở làng quê. |

1. **Văn bản nhật dụng :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên bài** | **Tác giả** | **Nội dung** |
| 1 | Cầu Long Biên- chứng nhân lịch sử | Thúy Lan ( báo Người Hà Nội) | Hơn một thế kỉ, cầu Long Biên đã chứng kiến bao sự kiện hào hùng, bi tráng của Hà Nội. Hiện nay, cầu Long Biên vẫn mãi mãi trở thành một chứng nhân lịch sử. |
| 2 | Bức thư của thủ lĩnh da đỏ | x | Con người phải sống hòa hợp với thiên nhiên, chăm lo bảo vệ môi trường và thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của chính mình. |
| 3 | Động Phong Nha | Trần Hoàng | Động Phong Nha là kì quan thứ nhất. Vẻ đẹp của hang động đã và đang thu hút khách trong và ngoài nước tham quan. Chúng ta tự hào về vẻ đẹp của Phong Nha và những thắng cảnh khác. |

**III. LUYỆN TẬP:**

**Học sinh làm luyện tập ở phiếu học tập tuần 35.**

**IV. DẶN DÒ:**

- Học sinh ghi phần II vào vở bài học

- Làm phần III luyện tập:

+ Cách 1: Click đường link bên dưới phần phiếu học tập, sau đó điền đầy đủ thông tin cá nhân **(HỌ TÊN- LỚP)** và bắt đầu làm bài. Cuối cùng nhớ ấn nút **GỬI BÀI** nhé!

+ Cách 2: Các bạn có thể làm bài vào vở bài học, đánh dấu số trang và chụp hình gửi vào zalo của Thầy (Cô) giảng dạy nhé.

**TIẾT 2, 3. TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT**

**I. KIẾN THỨC CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh ôn tập có hệ thống những kiến thức đã học trong phần tiếng việt lớp 6.

**2. Kĩ năng:**

- Nhận ra các từ loại và phép tu từ.

- Chữa được các lỗi về câu và dấu câu

**3. Thái độ**:  HS có ý thức vận dụng các kiến thức về từ loại, phép tu từ, dấu câu vào làm bài tập.

**II. NỘI DUNG:**

**A. Các từ loại đã học:**

 1. Danh từ

2. Động từ

3. Tính từ

4. Số từ

5. Lượng từ

6. Chỉ từ

7. Phó từ: là những từ chuyên đi kèm với động từ, tính từ để bổ sung nghĩa cho động từ, tính từ.

\* Phó từ gồm 2 loại:

- Phó từ đứng trước động từ, tính từ có tác dụng bổ sung nghĩa về thời gian *(đã, đang, sẽ…),*về mức độ *(rất, hơi…)*về sự tiếp diễn, tương tự *(cũng, vẫn, cứ, còn,…)* sự phủ định: *(không, chưa, chẳng,…),*sự cầu khiến *(hãy, đừng, chớ,…)*cho động từ, tính từ trung tâm.VD: Viên quan ấy ***đã*** đi nhiều nơi, đến đâu quan ***cũng*** ra những câu đố oái ăm để hỏi mọi người….

- Phó từ đứng sau động từ, tính từ có tác dụng bổ sung một số ý nghĩa về mức độ *(quá, lắm,…)*, về khả năng *(được,…)*, về hướng (ra, vào, đi,…) cho động từ và tính từ trung tâm.

VD: Đầu tôi to ***ra*** và nổi từng tảng.

**B. Các phép tu từ đã học:**

**1. So sánh:**

a, Khái niệm: Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.

b. Cấu tạo:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vế A**  **(Sv được ss)** | **PD ss** | **Từ ss** | **Vế B (sv dùng để ss)** |
| Trẻ em |  | như | búp trên cành |
| Rừng đước | Dựng lên cao ngất | như | hai dãy trường thành vô tận |

c. Các kiểu so sánh:

- So sánh ngang bằng

- So sánh không ngang bằng.

**2. Nhân hóa:**

a, Khái niệm: Là gọi hoặc tả đồ vật, cây cối, con vật…bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người, làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật….trở nên gần gũi với con người.

VD: Ông trời mặc áo giáp đen…

b, Các kiểu nhân hóa: Có 3 kiểu nhân hóa thường gặp là:

- Dùng những từ ngữ vốn gọi người để gọi vật. *(Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay…)*

- Dùng những từ ngữ vốn để chỉ hoạt động tính chất của người để chỉ hoạt động tính chất của vật. *(Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù…)*

- Trò chuyện xưng hô với vật như với người. *(Trâu ơi, ta bảo trâu này…; Bầu ơi thương lấy bí cùng….)*

**3. Ẩn dụ**

a, Khái niệm:

Ẩn dụ là gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.

b, Có 4 kiểu ẩn dụ thường gặp là:

- Ẩn dụ hình thức:. (*Ông trời mặc áo giáp đen*: Áo giáp đen, mây đen giống nhau về hình thức.)

- Ẩn dụ cách thức . (*Về thăm nhà Bác làng Sen. Có hàng dâm bụt thắp lên lửa hồng.)*

- Ẩn dụ phẩm chất: *(Người cha mái tóc bạc, đốt lửa cho anh nằm)* Giữa Bác và Người cha có nét chung đó là sự quan tâm thương yêu bao la….

- Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác:

Thị giác+ thính giác: Tôi thấy nắng *giòn* tan.

**4. Hoán dụ:**

a, Khái niệm: Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng này khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.

VD:  *Áo nâu liền với áo xanh*

*Nông thôn cùng với thị thành đứng lên.*

b. Có 4 kiểu hoán dụ:

- Lấy bộ phận để gọi toàn thể

- Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng.

- Lấy dấu hiệu của sư vật để gọi.

- Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.

**C. Các kiểu cấu tạo câu đã học:**

**1. Câu trần thuật đơn:**

a, Khái niệm: Câu trần thuật đơn là câu do một cụm C-V cấu tạo thành, dùng để giới thiệu, kể hoặc tả về một sv, svật hay nêu 1 ý kiến.

b, VD

- Chủ ngữ: Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô

- VN: là một ngày trong trẻo, sáng sủa.

=> Câu TTĐ dùng để giới thệu.

**2. Câu trần thuật đơn có từ là:**

a, Khái niệm: Là kiểu câu trong đó vị ngữ thường do từ là kết hợp với danh từ, (cụm danh từ) tạo thành.

b, Các kiểu câu TTĐ có từ là”

- Câu định nghĩa. (Hoán dụ là…)

- Câu giới thiệu. (Bà đỡ Trần…)

- Câu miêu tả. (Ngày thứ 5 trên đảo…)

- Câu đánh giá. (Dế mèn trêu chị Cốc là dại.)

**3. Câu TTĐ không có từ là:**

a, Khái niệm: Vị ngữ thường do động từ hoặc cụm động từ, tính từ hoặc cụm tính từ cấu tạo thành.

VD: Phú ông mừng lắm.

b, Câu miêu tả và câu tồn tại:

- Những câu dùng để miêu tả hành động, trạng thái, đặc điểm,…của sự vật nêu ở chủ ngữ được gọi là câu miêu tả.

- Những câu dùng để thông báo sự xuất hiện, tồn tại hoặc tiêu biến của sự vật gọi là câu tồn tại.

**D. Các dấu câu đã học:**

**1. Dấu kết thúc câu:**

a, Dấu chấm: Là dấu kết thúc câu, được đặt ở cuối câu trần thuật (đôi khi được đặt ở cuối câu cầu khiến).

*Vd. Hôm nay Lan bị ốm.*

b, Dấu chấm hỏi: Là dấu kết thúc câu được đặt ở cuối câu nghi vấn.

*Hôm nay, Lan có đi học không?*

c, Dấu chấm than: Là dấu kết thúc câu được đặt ở cuối câu cầu khiến hoặc câu cảm thán.

*Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ!*

**2. Dấu phân cách các bộ phận câu:**

d, Dấu phẩy: Là dấu dùng để phân cách các bộ phận câu, được đặt trong nội bộ câu.

- Phân cách thành phần phụ (chủ yếu là trạng ngữ) với thành phần chính. VD: *Bên gốc tre, mấy chú trâu béo trònđang nằm nhai rơm mới.*

- Phân cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu. VD: *Căn phòng này sạch sẽ, mát mẻ.*

- Phân cách từ ngữ với bộ phận chú thích. VD: *Vẻ đẹp của biển, vẻ đẹp kì diệu muôn màu…*

- Phân cách các vế của một câu ghép. VD: *Trời dải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương.*

**II. LUYỆN TẬP:**

**Học sinh làm luyện tập ở phiếu học tập tuần 35**

**III. DẶN DÒ:**

- Học sinh ghi phần II vào vở bài học

- Làm phần III luyện tập:

+ Cách 1: Click đường link bên dưới phần phiếu học tập, sau đó điền đầy đủ thông tin cá nhân **(HỌ TÊN- LỚP)** và bắt đầu làm bài. Cuối cùng nhớ ấn nút **GỬI BÀI** nhé!

+ Cách 2: Các bạn có thể làm bài vào vở bài học, đánh dấu số trang và chụp hình gửi vào zalo của Thầy (Cô) giảng dạy nhé.

**TIẾT 4. TỔNG KẾT PHẦN TẬP LÀM VĂN**

**(VĂN MIÊU TẢ)**

**Học sinh xem bài giảng tại:** <https://www.youtube.com/watch?v=I2v60fKOzgo>

**Và** <https://www.youtube.com/watch?v=bM5GoBHcq7I>

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức:***

- Ôn lại để nắm vững kiểu văn miêu tả.

- Phân biệt văn tả người và tả cảnh.

***2. Kĩ năng:***

- Rèn kĩ năng viết bài tập làm văn.

3***. Thái độ:***

- Giáo dục HS ý thức tổng hợp các kiến thức đã học.

**II. NỘI DUNG**

Văn miêu tả là loại văn giúp người đọc, người nghe hình dung những đặc điểm, tính chất nổi bật của một sự vật, sự việc, con người, phong cảnh…. làm cho đối tượng miêu tả như hiện lên trước mắt người đọc, người nghe. Những năng lực cần có khi làm văn miêu tả:

- Quan sát: Nhìn nhận, xem xét sự vật.

- Nhận xét liên tưởng hình dung về sự vật đặt trong tương quan các sự vật xung quanh.

- Ví von so sánh: Thể hiện sự liên tưởng độc đáo riêng của người viết hình dung, cảm nhận về sự vật, hiện tượng miêu tả.

**I. Các dạng văn miêu tả :**

Ở tiểu học, các em đã làm quen với văn bản miêu tả,lớp 6 học nâng cao hơn nên đòi hỏi các em có kĩ năng miêu tả tinh tế trong từng dạng bài. Cụ thể như sau:

**1. Tả cảnh**

\* Tả cảnh là gợi tả những bức tranh về thiên nhiên hay cảnh sinh hoạt gợi ra trước mắt người đọc về đặc điểm từng nét riêng của cảnh.

**\* Yêu cầu tả cảnh:**

* Xác định đối tượng miêu tả: cảnh nào? ở đâu? Vào thời điểm nào?
* Quan sát lựa chọn được những hình ảnh tiêu biểu.
* Trình bày những điều quan sát được theo một thứ tự.

**\* Bố cục bài văn tả cảnh:**

I. Mở bài: Giới thiệu cảnh được tả.

II. Thân bài: Tập trung tả cảnh vật chi tiết theo một thứ tự nhất định, có thể ở một số trường hợp sau:

* Từ khái quát đến cụ thể (hoặc ngược lại)
* Không gian từ trong tới ngoài. (hoặc ngược lại)
* Không gian từ trên xuống dưới. (hoặc ngược lại)

III. Kết bài: phát biểu cảm tưởng về cảnh vật đó.

**2. Tả người**

\* Tả người là gợi tả về các nét ngoại hình, tính cách, hành động, lời nói…. của nhân vật được miêu tả.

**\* Phân biệt đối tượng miêu tả theo yêu cầu:**

* Tả chân dung nhân vật (cần tả nhiều về ngoại hình, tính nết…)
* Tả người trong tư thế làm việc (tả người trong hành động: chú ý các chi tiết thể hiện cử chỉ, trạng thái, cảm xúc)

**\* Bố cục bài văn tả người:**

I. Mở bài: Giới thiệu người được tả (chú ý đến mối quan hệ của người viết với nhân vật được tả, tên, giới tính và ấn tượng chung về người đó)

II. Thân bài:

* Miêu tả khái quát hình dáng, tuổi tác, nghề nghiệp...
* Tả chi tiết: Ngoại hình, cử chỉ, hành động, lời nói… (chú ý tả người trong công việc cần quan sát tinh tế vào các động tác của từng bộ: khuôn mặt thay đổi, trạng thái cảm xúc, ánh mắt…). ***Ví dụ:***Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ.
* Thông qua tả để khơi gợi tính cách nhân vật: Qua tả các chi tiết người đọc có thể cảm nhận được tính cách của đối tượng và thái độ của người miêu tả đối với đối tượng đó.

III. Kết bài: Nhận xét hoặc nêu cảm nghĩ của người viết về người được miêu tả.

**III. LUYỆN TẬP:**

**Học sinh làm luyện tập ở phiếu học tập tuần 35**

**IV. DẶN DÒ:**

- Học sinh ghi phần II vào vở bài học

- Làm phần III luyện tập:

+ Cách 1: Click đường link bên dưới phần phiếu học tập, sau đó điền đầy đủ thông tin cá nhân **(HỌ TÊN- LỚP)** và bắt đầu làm bài. Cuối cùng nhớ ấn nút **GỬI BÀI** nhé!

+ Cách 2: Các bạn có thể làm bài vào vở bài học, đánh dấu số trang và chụp hình gửi vào zalo của Thầy (Cô) giảng dạy nhé.

**CÁC BẠN HÃY VÀO LINK NÀY ĐỂ LÀM BÀI Ở PHIẾU HỌC TẬP NHÉ!**

[**https://docs.google.com/forms/d/14GSUlCPI\_M-ncVIMJr31ywbz9dDczww80dG9sEOt3YA/edit**](https://docs.google.com/forms/d/14GSUlCPI_M-ncVIMJr31ywbz9dDczww80dG9sEOt3YA/edit)

**PHIẾU HỌC TẬP TUẦN 35**

**Câu 1:** Em hãy chọn **đáp án đúng nhất** cho nội dung của khổ thơ sau:

“Rồi Bác đi dém chăn

Từng người từng người một

Sợ cháu mình giật thột

Bác nhón chân nhẹ nhàng”

1. Khổ thơ nói lên sự quan tâm, lo lắng, chăm sóc ân cần của Bác đối với bộ đội.
2. Khổ thơ nói lên sự quan tâm, lo lắng, chăm sóc ân cần của anh đội viên đối với Bác.
3. Cả 2 ý trên đều đúng.
4. Cả 2 ý trên đều sai.

**Câu 2: Trong những câu sau, câu nào có sử dụng phép nhân hóa?**

A. Tấm lòng người miền Nam thật đẹp.

B. Gửi miền Bắc lòng miền Nam chung thủy.

C. Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác.

D. Hình ảnh miền Nam luôn ở trong trái tim của Bác.

**Câu 3**: Em hãy chọn **đáp án đúng nhất** cho trình tự miêu tả người:

A. Tả ngoại hình, tính tình, sở thích, việc làm.

B. Tả lời nói, việc làm, ngoại hình.

C. Chỉ miêu tả ngoại hình.

D. Các đáp án trên đều đúng.

**SỐ ĐIỆN THOẠI LIÊN LẠC CỦA GIÁO VIÊN BỘ MÔN KHỐI 6:**

1. Cô Hoàng Thị Ánh Phượng: Số điện thoại và zalo: 0779922651
2. Cô Lê Thị Thiên Hương: Số điện thoại và zalo: 0905011555
3. Cô Châu Thị Đỗ Quyên: Số điện thoại và zalo: 0969693752
4. Thầy Nguyễn Long Hoàng: Số điện thoại và zalo: 0764822405
5. Cô Mai Thị Yến Nga: Số điện thoại và zalo: 0344373456
6. Cô Huỳnh Ngọc Bích Phượng: Số điện thoại và zalo: 0909578849